

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA  
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: **126/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 15/8/2019

V/v: "Xin ly hôn"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA-TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Ngọc Tuyền

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Thị Hồng Ngọc – Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ phường Tam Hiệp

Bà Thiều Thị Phi Loan – Nguyên cán bộ Hội liên hiệp phụ nữ thành phố Biên Hòa

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Hữu Học - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa - tỉnh Đồng Nai.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Huy Hải – Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 351/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2019 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 216/2019/QĐST-HNGĐ ngày 16/7/2019 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông **Nguyễn Doãn S**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: 72/24, tổ 19, khu phố 1, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

**- Bị đơn:** Bà **Hà Thị Thu H**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: 72/24, tổ 19, khu phố 1, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Ông S có đơn xin xét xử vắng mặt, bà H vắng mặt không lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa - nguyên đơn ông Nguyễn Doãn S trình bày:

Ông và bà H kết hôn vào năm 1999, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2010. Nay ông xác định không còn tình cảm với bà H nên xin được ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Doãn T, sinh ngày 04/9/2000 và Nguyễn Hồng N, sinh ngày 07/5/2002. Ly hôn ông đồng ý giao cháu N cho bà H được trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời ông không cấp dưỡng

nuôi con. Do cháu T đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

- Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng quy định.

Trong vụ án này, các đương sự được xác định đúng tư cách pháp lý của đương sự, đảm bảo việc thu thập chứng cứ, việc cấp tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho đương sự và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp nghiên cứu đúng thời gian quy định.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông S. Về con chung: Đề nghị giao con chung cho bà H được trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời ông S không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Theo ông S trình bày tài sản chung, nợ chung không có. Do bà H không có lời khai nên đề nghị tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng cho bị đơn, nhưng bị đơn vắng mặt không lý do, còn nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông S, bà H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn, nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

[3] Ông S, bà H sau khi kết hôn chung sống với nhau hạnh phúc một thời gian, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo ông S trình bày do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng tính tình không hợp nhau. Ông bà đã sống ly thân từ năm 2010. Nay ông S xác định không còn tình cảm với bà H, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin được ly hôn. Tòa án đã nhiều lần thông báo về phiên hòa giải để tạo điều kiện hòa giải cho bà H, ông S hàn gắn đoàn tụ, nhưng bà H vắng mặt không lý do, còn ông S vẫn cương quyết xin ly hôn, cho thấy mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng. Xét thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông S.

[4] Về con chung: Ông S, bà H có 02 con chung tên Nguyễn Doãn T, sinh ngày 04/9/2000 và Nguyễn Hồng N, sinh ngày 07/5/2002. Ly hôn ông S đồng ý giao cháu N cho bà H được trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời ông không cấp dưỡng nuôi con. Do cháu T đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét. Xét thấy hiện nay cháu N đang ở với bà H, bà H không có mặt tại Tòa án khi Tòa triệu tập, cùng không có lời khai trình bày ý kiến về con chung, còn nguyện vọng của cháu N muốn được ở cùng với mẹ. Do đó giao cháu N cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng để đảm bảo ổn định về mọi mặt cho cháu. Tạm thời ông S không cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Theo ông S trình bày về tài sản chung, nợ chung là không có. Do bà H không có lời khai nên tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[6] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Ông S phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí sơ thẩm ông S đã nộp tại biên lai số 0004069 ngày 22/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Ông S đã nộp đủ án phí.

[7] Nhận định của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phù hợp với các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 203; Điều 220, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 85, Điều 89, Điều 91, Điều 92 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

#### **Tuyên xử:**

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Doãn S và bà Hà Thị Thu H.

Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hồng N, sinh ngày 07/5/2002 cho bà Hà Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời ông Nguyễn Doãn S không cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Nguyễn Doãn T, sinh ngày 04/9/2000 đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông S được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của trẻ khi cần thiết, các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

Về án phí: Ông S phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí sơ thẩm ông S đã nộp tại biên lai số 0004069 ngày 22/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Ông S đã nộp đủ án phí.

Ông S, bà H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- VKS (2)
- THA DS (1)
- Lưu (6)
- Đương sự (2)
- UBND

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Ngọc Tuyên**